

KHẢO SÁT MÔ TÍP SINH ĐỀ THẦN KỶ TRONG TRUYỆN CỔ TRUNG QUỐC

VƯƠNG ĐẠI LIÊN*

GIANG HẢI YẾN**

Tóm tắt: Mô típ sinh đề thần kỳ là một mô típ phổ biến, xuất hiện nhiều lần trong truyện cổ Trung Quốc. Trong bài viết này, chúng tôi thống kê những truyện có mô típ sinh đề thần kỳ trong bốn phần tài liệu, chủ yếu khảo sát phương thức sinh đề thần kỳ và những vật cảm ứng cụ thể xuất hiện trong mô típ sinh đề thần kỳ của Trung Quốc. Tiếp theo, chúng tôi thống kê 10 loại vật có tần số xuất hiện nhiều nhất trong mô típ sinh đề thần kỳ của Trung Quốc. Cuối cùng, chúng tôi phân tích đặc điểm trong mô típ sinh đề thần kỳ của Trung Quốc.

Từ khóa: Khảo sát, mô típ sinh đề thần kỳ, Trung Quốc, đặc điểm

I. PHẠM VI KHẢO SÁT

Mô típ sinh đề thần kỳ trong truyện cổ Trung Quốc rất nhiều. Bài viết khảo sát dựa trên bốn phần tài liệu cụ thể như sau:

1. Nhiều mô típ sinh đề thần kỳ xuất hiện ở thời Hán, và tập trung trong Vĩ Thư của thời Hán, nên bài viết sẽ liệt kê những mô típ sinh đề thần kỳ trong Vĩ Thư để làm đối tượng khảo sát. Vĩ Thư là một loại sách mang màu sắc kỳ dị. Những cuốn sách này do nho sĩ dùng quan điểm thần học, tư tưởng âm dương ngũ hành để giải thích những tác phẩm kinh điển của Nho giáo, chủ yếu lưu hành ở Tây Hán và Đông Hán.

2. Trung Quốc trải qua nhiều vương triều, gần như ông vua nào sinh ra cũng liên quan đến sinh đề thần kỳ, nên bài viết sẽ liệt kê những mô típ sinh đề thần kỳ của các ông vua ở các triều đại.

3. Đạo giáo của Trung Quốc có lịch sử phát triển từ lâu, ảnh hưởng đến mọi mặt xã hội Trung Quốc, dân gian cũng chịu ảnh hưởng của Đạo giáo, thể hiện trong một số sách ghi chép những thần tích của thần dân gian. Bài viết sẽ liệt kê những mô típ sinh đề thần kỳ trong sách kinh điển của Đạo giáo “*Vân Cáp Thất Thiêm (云笈七签)*” và sách “*Trung Quốc dân gian chư thần (中国民间诸神)*” để làm đối tượng khảo sát.

4. Truyện dân gian của Trung Quốc rất phong phú, các thành phố, các tỉnh đều có những truyện đặc sắc. Ngày 28 tháng 5 năm 1984, Bộ Văn hóa, Hội Ủy viên dân tộc Quốc gia và Hiệp hội Văn nghệ dân gian Trung Quốc cùng liên hợp ký kết thông tư biên soạn và xuất bản *Tổng tập truyện dân gian Trung Quốc, Tổng tập ca dao Trung Quốc, Tổng tập tục ngữ Trung Quốc*. Vì vậy, trong phạm vi toàn quốc, các cơ quan trên đã tổ

* TS. Giảng viên, ** PGS. Giảng viên Học viện Hồng Hà, Trung Quốc

chức nhân lực để điều tra, phỏng vấn và ghi chép, lấy huyện làm đơn vị biên soạn tư liệu văn học dân gian. Hội biên soạn của các tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc trung ương tổng hợp thành quả của địa phương, căn cứ vào yêu cầu của hội đồng biên soạn toàn quốc, chọn lọc, biên tập để xuất bản. Ba bộ tổng tập văn học dân gian Trung Quốc là một công trình lớn, được gọi là “Thế kỷ kinh điển” và “Văn hóa trường thành”. Trong thời gian biên soạn qua 1/4 của thế kỷ, có mấy chục vạn người tham gia điều tra, sưu tập và biên soạn. Trong phạm vi của bài viết, chúng tôi chỉ chọn 10 cuốn sách của 10 tỉnh và thành phố tiêu biểu làm đối tượng khảo sát. Đó là Bắc Kinh, Giang Tô, Thiểm Tây, Tứ Xuyên, Phúc Kiến, Chiết Giang, Hà Nam, Cát Lâm, Cam Túc, Liêu Ninh.

Như vậy, đối tượng khảo sát về mô típ sinh đẻ thần kỳ của Trung Quốc sẽ gồm bốn phần. Theo thống kê của chúng tôi, bốn phần tài liệu truyện có mô típ sinh đẻ thần kỳ gồm 120 truyện. Những truyện chứa mô típ sinh đẻ thần kỳ trong *Vĩ Thư*, (16 truyện); những truyện chứa mô típ sinh đẻ thần kỳ của các vua chúa, (55 truyện); những truyện kinh điển của Đạo giáo “*Vân Cấp Thất Thiểm*” và sách “*Trung Quốc dân gian chư thần*” (25 truyện); Những truyện có mô típ sinh đẻ thần kỳ của một số tỉnh và thành phố trong *Tổng tập truyện dân gian Trung Quốc* (中国民间故事总集), gồm 24 truyện. Truyện dân gian nói chung và truyện có mô típ sinh đẻ thần kỳ nói riêng có tính dị bản, trong 120 truyện mà chúng tôi khảo sát thì có 5 truyện có dị bản, nên chúng tôi tính tổng số là 125 truyện.

II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT, PHÂN LOẠI

Dựa trên 125 truyện có mô típ sinh đẻ thần kỳ, chúng tôi phân loại mô típ sinh đẻ thần kỳ theo hai tiêu chí. Một là phương thức cảm ứng, chủ yếu dựa vào nguyên nhân và quá trình người mẹ mang thai, bài viết chia mô típ sinh đẻ thần kỳ thành 6 loại: ăn, uống phải dị vật, tiếp xúc dị vật, cảm ứng thiên tượng dị thường, cảm ứng rồng, mộng triệu, cảm ứng hỗn hợp. Hai là chia theo đối tượng cảm ứng thành: Cảm ứng động vật, cảm ứng thực vật, cảm ứng những vật thể tự nhiên, cảm ứng những vật dụng trong cuộc sống, cảm ứng thần.

Bảng 1: Mô típ sinh đẻ thần kỳ phân loại theo phương thức cảm ứng

Phương thức cảm ứng	Ăn, uống phải dị vật	Tiếp xúc dị vật	Cảm ứng thiên tượng dị thường	Cảm ứng rồng	Mộng triệu	Cảm ứng hỗn hợp	Tổng
Số lượng truyện	18	12	33	7	53	2	125
Tỉ lệ	14,4%	9,6%	26,4%	5,6%	42,4%	1,6%	100%

Qua bảng ở trên, chúng ta có thể nhận thấy, phương thức mộng triệu có tỉ lệ cao nhất, có 53 truyện trong 125 truyện (tính cả 5 dị bản phương thức cảm ứng khác nhau), chiếm 42,4%, tiếp theo là phương thức cảm ứng thiên tượng dị thường, chiếm 26,4%, ăn, uống phải dị vật là 14,4%, tiếp xúc dị vật là 9,6%, cảm ứng rỗng là 5,6%. Cảm ứng hỗn hợp ít nhất, chỉ có 3 truyện trong 125 truyện, chiếm 1,6%.

Bài viết giải thích thêm về những phương thức sinh đẻ thần kỳ như sau:

Ăn, uống phải dị vật: Là người mẹ trực tiếp ăn, uống một thứ gì như nuốt phải trứng yến, ăn phải bông hoa, ăn quả táo, củ cải... Uống phải nước đựng trong sọ dừa, uống thuốc của ông già cho... Tức là người mẹ phải trực tiếp ăn, uống phải dị vật mới tính là cảm ứng sinh đẻ do ăn, uống phải dị vật. Như Khiết là do mẹ ăn phải trứng yến thụ thai sinh ra, Hạt Đỗ là do mẹ ăn hạt đỗ sinh ra, Quý Cốc Tử do người mẹ nuốt hạt lúa sinh ra... Chúng tôi phát hiện ra rằng: Phương thức sinh đẻ thần kỳ do ăn, uống phải dị vật gần như toàn bộ đều xuất hiện trong truyện cổ tích, còn cảm ứng thiên tượng dị thường lại gần như xuất hiện trong truyền thuyết. Có lẽ do những thứ mà người mẹ ăn là những thứ thường xuất hiện trong cuộc sống, dân gian dùng những phương thức này sáng tác ra truyện là một điều dễ hiểu. Còn cảm ứng thiên tượng dị thường thì mang lại cho người ta một cảm giác rất thần kỳ, huyền bí. Nên trong truyền thuyết, những người thống trị lúc sinh ra thường có thiên tượng dị thường và lúc người mẹ mang thai cũng là do cảm ứng phương thức khác như mộng triệu, cảm ứng rỗng, cảm ứng thiên tượng dị thường, ít trường hợp do ăn, uống phải dị vật.

Tiếp xúc dị vật: Là người mẹ tiếp xúc với một thứ gì lạ, ví dụ như tiếp xúc với con cóc, con rùa, con rái cá, tiếp xúc với tượng đá, tiếp xúc với khúc gỗ... Người ta nghĩ là những vật này làm cho mình mang thai, đẻ con. Những vật này có khi sẽ xuất hiện dưới một bộ dạng khác. Như truyện Triệu Khuông Dã kể về hai bố con sống trên thuyền, không bao giờ lên bờ. Một ngày, người bố phát hiện bụng của con gái to dần. Hỏi con, con mới bảo là cứ ban đêm lại có một thư sinh đến. Người bố và ngư dân đã rình bắt được thư sinh, lập tức thư sinh biến thành con rái cá. Ở đây, con rái cá dưới bộ dạng là thư sinh là một con vật thiêng, có linh khí. Điều này liên quan đến quan niệm vạn vật hữu linh và sùng bái totem của người xưa.

Cảm ứng thiên tượng dị thường: Phương thức cảm ứng này có hai loại, một là người phụ nữ nhìn thấy ngôi sao, hào quang, mây đỏ, mây vàng, mây tím... sa vào mình khiến mình mang thai. Hai là lúc sinh đẻ có dị tượng, thường là có hào quang chiếu vào phòng, có mùi thơm lạ. Nếu lúc sinh có thiên tượng dị thường, nhưng trước đây lại do nằm mơ, thì phương thức sinh đẻ thần kỳ sẽ được tính vào mộng triệu, chứ không tính là cảm ứng

thiên tượng dị thường. Còn nhiều truyện thì nói đến người mẹ nằm mơ thấy tự nhiên phòng sáng rực lên, có một thần nhân hay một con rồng từ đám mây lao xuống, trường hợp này sẽ không tính vào phương thức cảm ứng thiên tượng dị thường, mà nó chỉ là một yếu tố để thần nhân hoặc con rồng xuất hiện thôi. Những phương thức cảm ứng này liên quan đến sùng bái nhật nguyệt tinh tú và thiên tượng của con người.

Cảm ứng rồng: Con rồng là vật sùng bái của Trung Quốc và Việt Nam. Con rồng là một con vật gồm đặc điểm của nhiều loại động vật do con người tưởng tượng ra, chứ không có thật trong hiện thực. Mặc dù con rồng và con giao long là hai loại động vật khác nhau, nhiều khi, người ta cũng lẫn lộn, không biết nó là giao long hay là con rồng, nên bài viết sẽ quy hai loại phương thức cảm ứng này vào một, là cảm ứng rồng. Nếu người mẹ do giao long cuốn hay do rồng cuốn thì được coi là cảm ứng rồng, nhưng thực tế, những truyện do giao long hoặc rồng trực tiếp cuốn người mẹ không nhiều, trong 125 truyện (tính cả dị bản) của Trung Quốc thì chỉ có 5 truyện. Phần lớn là người mẹ nằm mơ thấy con rồng, cũng có thể xếp sinh đẻ thần kỳ mơ thấy rồng vào phương thức cảm ứng rồng. Để dễ so sánh, đối chiếu, bài viết xếp phương thức mơ thấy rồng vào phương thức mộng triệu.

Mộng triệu: Phương thức sinh đẻ thần kỳ này chiếm số lượng nhiều nhất, với 53 truyện trong tổng số 125 truyện (tính cả dị bản), chiếm 42,4%. Có thể do người phụ nữ nằm mơ thấy ăn, uống một thứ gì lạ, có thể mơ thấy hào quang, ngôi sao sa vào mình, cũng có thể mơ thấy rồng. Mộng chỉ là một tiền đề cho phương thức cảm ứng sinh đẻ, quan trọng là những nội dung trong mộng. Mộng của những người mẹ trong truyện của Trung Quốc đơn giản hơn, chỉ là mơ thấy rồng, mơ thấy hào quang... Nhưng mộng của những người mẹ trong truyện của Việt Nam thì phức tạp hơn, chủ yếu chia thành hai loại, một loại là đứa con với thân phận là thần nhân sẽ đầu thai vào nhà làm con, còn một loại thần nhân chỉ là một sứ giả, những vật mà thần nhân đưa cho mới là những vật cảm ứng sinh đẻ trực tiếp. Những vật mà thần nhân đưa cho rất nhiều loại, có thể là một chiếc râu rồng, một bông hoa, một viên thuốc, một con cá..., cũng có thể thần nhân dắt đến cho một đứa con. Có nhiều truyện viết là người mẹ như tỉnh như mê nhìn thấy một thứ gì đó, không nói rõ là thật hay là nằm mơ thì cũng được tính là mộng triệu.

Cảm ứng hỗn hợp: Một số nhân vật được sinh ra dưới nhiều loại phương thức cảm ứng. Như sự ra đời của Thanh Thái Tổ của Trung Quốc, khi người mẹ mang thai đầu tiên là có hào quang đỏ quanh người, trước khi sinh lại mơ thấy thần nhân. Ở đây phương thức sinh đẻ là cảm ứng thiên tượng dị thường và mộng triệu. Chỉ cần hai loại hay trên hai loại sinh đẻ thần kỳ thì được tính là phương thức cảm ứng hỗn hợp.

Bảng 2: 10 loại vật xuất hiện nhiều nhất trong mô típ sinh đẻ thần kỳ của Trung Quốc

TT	Vật cảm ứng cụ thể	Cách miêu tả trong truyện	Số lần xuất hiện	Tỉ lệ
1	Thần nhân	Thần nhân, thiên nhân, người dài, đế Đen, người thần, người thần to, người mặc áo giáp...	34	25,75%
2	Hào quang	Đại điện quang, hào quang đỏ như rồng như phượng, thần quang, hào quang đỏ, hào quang tím, thanh quang, dị quang đỏ...	30	22,73%
3	Con rồng	Rồng, rồng đỏ, rồng xanh, con rồng đen, đuôi như rồng...	15	11,36%
4	Mặt trời	Mặt trời	12	9,09%
5	Khí	Khí trắng, tinh khí của sấm sét, khí hình trứng gà, khí xanh, khí tím, tinh khí của mặt trời và mặt trăng...	10	7,58%
6	Ngôi sao	Sao Dao Quang, sao Vượt, sao Xu, ngôi sao lớn...	7	5,3%
7	Mây	Mây năm sắc, mây đỏ, mây tím, mây như vẩy cá...	7	5,3%
8	Trứng	Trứng chim yến, trứng...	7	5,3%
9	Ngọc	Hòn ngọc, viên ngọc...	6	4,55%
10	Thuốc	Viên thuốc, viên thuốc thần, viên thuốc ông già cho, kim đan...	4	3,03%
Tổng cộng	10 loại vật có tần số xuất hiện cao nhất		132 lần	100%

10 loại vật cụ thể với 132 lần xuất hiện, trong đó, thần nhân xuất hiện nhiều nhất, tổng số là 34 lần, chiếm 25,75%. Điều này liên quan trực tiếp đến quan niệm Đạo giáo của Trung Quốc, Đạo giáo cho rằng có một thượng giới tồn tại, các thần tiên có cuộc sống thật vui vẻ hạnh phúc, con người có thể qua tu luyện đắc đạo thành tiên. Tiếp theo là hào quang xuất hiện 30 lần, chiếm 22,73%. Hào quang tràn đầy huyền bí, kỳ dị, thường đi theo những yếu tố thần kỳ như thần tiên, con rồng, con giao long..., và những người anh hùng ra đời, thường có hào quang xuất hiện. Tiếp theo là con rồng, xuất hiện 15 lần, chiếm 11,36%. Con rồng là con vật sùng bái của người Trung Quốc, nên xuất hiện nhiều lần trong mô típ sinh đẻ thần kỳ của Trung Quốc là điều tất yếu. Tiếp theo là mặt trời, xuất hiện 12 lần, chiếm 9,09%. Điều này liên quan trực tiếp đến sự ra đời thần kỳ của các ông vua, người ta cho rằng, mặt trời chính là thiên tử. Khí xuất hiện 10 lần, chiếm 7,58%. Điều này liên quan đến học thuyết “âm dương” và luyện khí của Đạo giáo. Ngôi sao, mây xuất hiện thể hiện sự sùng bái thiên thể và thiên tượng của người xưa. Trứng xuất hiện nhiều lần liên quan đến quan niệm trời tròn đất vuông và trứng sinh ra vạn vật.

III. ĐẶC ĐIỂM CỦA MÔ TÍP SINH ĐẼ THẦN KỲ CỦA TRUNG QUỐC

1. Tư tưởng “âm dương”

Ở phần khảo sát, chúng tôi đã thống kê được “khí” xuất hiện 10 lần trong mô típ sinh đẻ thần kỳ của Trung Quốc. Phù Đô nhìn thấy khí trắng, cảm ứng sinh Hắc đế Thang, Đông Minh là do đàm khí như trứng gà bay vào người thị nữ có mang sinh ra. Nguyên Hải do mẹ Hồ Diên Thị mơ nuốt tinh khí của mặt trời thụ thai sinh con. Bắc Chu Thái Tổ lúc sinh có khí đen như vong phủ trên người. Lúc sinh Hậu Đường Trang Tông, khí tím tràn ra cửa sổ. Thái Thượng Đạo Quân là tinh khí của mặt trời và mặt trăng ký thai vào bụng mẹ, hình thành người... Theo khảo sát của chúng tôi, thì chưa thấy “khí” xuất hiện trong mô típ sinh đẻ thần kỳ của Việt Nam.

“Khí” xuất hiện trong mô típ sinh đẻ thần kỳ liên quan trực tiếp đến học thuyết âm dương của Trung Quốc. Học thuyết âm dương cho rằng, tất cả các thứ trên thế giới đều do hai khí “âm dương” cấu thành, “khí” là một thứ rất quan trọng trong vũ trụ. Vương Sung trong sách *Luận Hành* (论衡) nói rằng thiên địa khí hợp, vạn vật tự sinh. Trương Tải trong sách *Chính môn, thái hòa thiên* (正蒙·太和篇) nói thái hư không thể không có khí, khí không thể không tụ tập thành vạn vật, vạn vật không thể không tan thành thái hư. Khí phân âm dương, gợi ý sự thống nhất giữa chất và năng, phản ánh nguyên lý vạn vật do khí hóa thành. Thể hiện trên người, thứ để duy trì sự sống là khí, nó là nguồn dinh dưỡng cho tất cả các hoạt động, như tinh khí, tân khí, khí thủy cốc, khí hô hấp. Khí cũng là sức sống của tất cả cơ quan cơ năng của con người, như khí tạng phủ, khí kinh lạc.

Người Trung Quốc cho rằng, vũ trụ có hai thể lực, một là dương, một là âm. Tư tưởng này rút ra từ cảm tính trực quan. Không gian của chúng ta đang sống có trời, có đất; một ngày thì có ban ngày, có ban đêm; cả ban ngày cũng có lúc trưa nắng chiếu chang chang, cũng có lúc bình minh mặt trời mới mọc và lúc mặt trời lặn; đời sống của con người có lúc tuổi trẻ, có lúc tuổi già; sự nghiệp của con người có lúc thuận lợi, có lúc trục trặc. Người Trung Quốc khái quát những lực lượng quang minh, chính diện và ở địa vị chủ chốt là dương, những lực lượng âm ám, tiêu cực và ở vị trí phụ thuộc là âm. Âm dương là hai thể lực đối lập với nhau, nhưng lại dựa vào nhau mà tồn tại. Không có âm, thì không có dương, không có sự tác động của âm khí, chỉ dựa vào dương khí thì không thể sinh ra vạn vật, không có dương khí, chỉ dựa vào âm khí cũng không thể có vạn vật. Nếu tất cả các biến hóa đều từ hai khí âm dương thì việc sinh đẻ tất nhiên cũng nằm trong quy luật đó.

Từ thời cổ đại Trung Quốc, học thuyết âm dương đã được xây dựng, phát triển và ngày một mở rộng. Học thuyết âm dương được sử dụng trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống, góp phần lý giải vô vàn vấn đề của tự nhiên và xã hội. Ở phần trước chúng tôi đã nói đến “khí” xuất hiện trong mô típ sinh đẻ thần kỳ của Trung Quốc, trực tiếp liên quan đến học

thuyết âm dương. Ngoài ra, mô típ sinh đẻ thần kỳ còn thể hiện yếu tố cơ bản của âm dương: âm dương giao cảm, vạn vật cùng nguồn.

Tương truyền, Phục Hy, năm 2852 trước Công nguyên khi nhìn thấy bức hà đồ trên lưng con long mã trên sông Hoàng Hà đã hiểu được lẽ biến hóa của vũ trụ, từ đó đem vạch lẻ đó thành nét. Nét đầu tiên là một nét liền (-) tức “vạch lẻ”, làm phù hiệu cho khí dương. Sau là một nét đứt (--) là vạch chẵn, làm phù hiệu cho khí âm. Hai kí hiệu vạch (-), (--) là hai phù hiệu cổ xưa nhất, bao trùm mọi nguyên lý của vũ trụ. Trong vũ trụ, vạn vật đều được tạo thành từ âm dương và được chuyển hóa bởi năng lượng âm dương biến đổi cho nhau. Âm dương là hai mặt đối lập nhưng cùng tồn tại trong một hệ thống thống nhất, từ vi mô đến vĩ mô, trong mọi sự vật từ cụ thể đến trừu tượng.

Trong *Kinh Dịch*, âm dương được quan niệm là các mặt, những hiện tượng đối lập nhau như sáng - tối, đất - trời, đông - tây, quân tử - tiểu nhân, chồng - vợ, vua - tôi... *Hoàng đế Nội kinh* thì nói rằng âm dương là đạo của trời đất, kỷ cương của vạn vật, cha mẹ của sự biến hóa, gốc ngọn của sự sinh sát, phủ tạng của thần minh, trị bệnh phải căn ở gốc, cho nên tích lũy dương làm trời, tích lũy âm làm đất, âm tĩnh dương động, dương sinh âm trưởng, dương sát âm tàng, dương hóa khí, âm tàng hình”. Ngoài ra, theo *Hoàng đế Nội kinh* thì trời và mặt trời thuộc dương, đất và mặt trăng thuộc âm nên âm dương là khái niệm phổ biến của đất trời. Thông qua những quy luật biến đổi âm dương trong giới tự nhiên mà chúng ta có thể suy diễn, phân tích ra luật âm dương trong cơ thể của con người. Âm dương không phải là hai mặt tách rời hoàn toàn với nhau. Chúng là hai mặt vừa đấu tranh vừa thống nhất với nhau, nương tựa vào nhau để cùng tồn tại và phát triển: “Âm là cái dương vẫn tìm, mềm là cái dương vẫn lẫn”. Sách *Lão Tử* cũng viết: “Phúc là chỗ núp của họa, họa là chỗ dựa của phúc”. Quy luật này nói lên sự vận động không ngừng cũng như sự chuyển hóa lẫn nhau giữa hai mặt âm và dương nhằm duy trì tình trạng thăng bằng ở mức tương đối của mọi sự vật. Mặt này phát triển thái quá sẽ khiến cho mặt kia suy kém và ngược lại. Từ quy luật này, hai mặt âm dương của sự vật sẽ biến động một cách không ngừng. Sự vận động của âm dương đến một mức độ nào đó sẽ chuyển hóa sang nhau. Người ta gọi đó là “dương cực sinh âm, âm cực sinh dương”. Đó chính là quá trình vận động, biến hóa cũng như phát triển của sự vật, đồng thời đây cũng là quá trình đấu tranh tiêu trường của hai mặt âm dương.

Mô típ sinh đẻ thần kỳ thể hiện yếu tố cơ bản của âm dương: âm dương giao cảm, vạn vật cùng nguồn. Nội hàm cơ bản nhất của thuyết âm dương là vạn vật do âm dương giao cảm mà sinh. Đạo Đức Kinh cho rằng: “một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật”. Một là bản nguyên của thế giới, “hai” là âm dương, chính âm dương giao hợp mới sinh ra “ba” và vạn vật. “Lễ ký, Nhạc ký” nói “âm dương tiếp xúc, thiên địa tương đặng... bách hóa hưng”. Âm dương tương hợp, vạn vật sinh trưởng. Ở trên trời thì hình thành các loại thiên

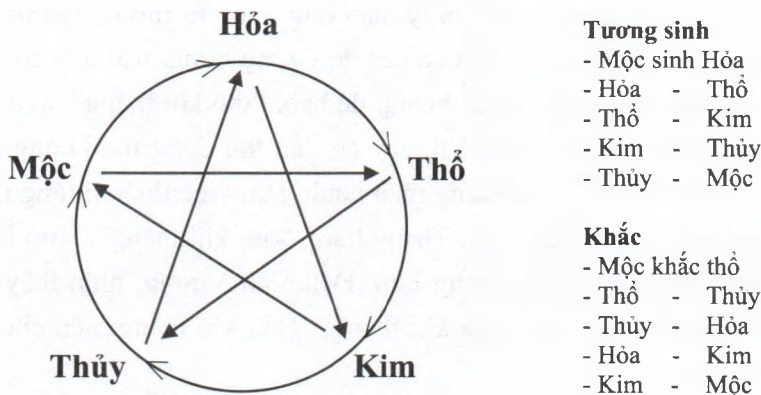
tượng tự nhiên như mây, mưa, sấm sét, ở dưới đất thì hình thành những hình thể như núi, sông, biển, ở phương vị thì hình thành đông, tây, nam, bắc bốn phương, ở khí hậu thì hình thành xuân, hạ, thu, đông. Tất cả các mô típ sinh đẻ thần kỳ, mặc dù không nói đến vai trò của nam giới trong việc sinh đẻ, nhưng đều gồm hai yếu tố cơ bản, một là người mẹ, hai là một thứ gì để cảm ứng. Điều này khác so với thần thoại một người tạo ra người. Người ngày xưa đã cảm nhận được việc sinh đẻ là phải có hai chủ thể, nhưng họ dùng vật khác thay thế vị trí của người đàn ông, thể hiện quan niệm hai vật giao cảm của âm dương.

Một quan niệm cơ bản của âm dương là vạn vật gồm cả người ở một mặt bằng, cho rằng họ đều sinh ra từ sự kết hợp của âm dương, do năm loại vật chất cơ bản cấu thành, chỉ khác về hình thái mà thôi. Đặc trưng và sự thay đổi của tự nhiên và đặc trưng tình cảm và sự thay đổi của con người cũng chắc chắn có liên hệ tương hợp, tương ứng. Tất cả các thần thoại nguyên thủy đều có một đặc trưng nổi bật là được nhân cách hóa, tức là nhật nguyệt núi đồi, cây cỏ chim muông, gió mưa, sấm sét... đều được nhân cách hóa cao độ. Người ta cho rằng những vật này và con người đều sinh ra từ một nguồn, những vật này có thể thay thế cho nhau và có thể cảm ứng với nhau.

2. Quan niệm “ngũ hành tương sinh tương khắc”

Triết lý “âm dương” “ngũ hành tương sinh tương khắc” được nhiều giáo phái bản địa Trung Quốc tiếp thu và cải tạo để phục vụ mình. Đạo giáo là một tôn giáo có tầm ảnh hưởng lớn ở Trung Quốc, những tư tưởng, quan niệm của Đạo giáo ảnh hưởng đến nhiều mặt xã hội của Trung Quốc. Trong đó, quan niệm “ngũ hành tương sinh tương khắc” là một quan niệm không chỉ ảnh hưởng đến cuộc sống đời thường của người dân, mà còn ảnh hưởng đến văn hóa, chính trị nhà nước. Mô típ sinh đẻ thần kỳ của Trung Quốc cũng thể hiện điều đó.

Bảng 3: Ngũ hành tương sinh tương khắc



Mối quan hệ tương sinh có Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ. Mối quan hệ tương khắc có Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim, Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ. Năm nguyên tố và các nguyên lý cơ bản của ngũ hành đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhiều lĩnh vực hoạt động của người Trung Quốc, hôn nhân và gia đình, âm nhạc, hội họa, kiến trúc, y học cổ truyền...

Ở thời cổ đại Trung Quốc, khi triều đại mới thay triều đại cũ, người ta đều tìm đến học thuyết ngũ hành để thuyết minh cho việc đăng cơ của mình là vấn đề chính đáng và tất yếu, nhất là ở thời Hán. “Ngũ hành” xuất hiện sớm nhất trong “*Thượng Thư, Hồng Phạm* (尚书·洪范)”. Theo sự ghi chép của “*Quốc Ngữ, Trịnh Thư* (国语·郑书)”, Sử Bá đã đưa ra quan điểm “Tiên vương lấy Thổ hỗn hợp với Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, hình thành bách vật”. Theo ghi chép của “*Tả Truyện* (左传)”, ở những năm cuối Xuân Thu, Sử Mặc đã có tư tưởng ngũ hành tương khắc. Đến thời Chiến Quốc, tư tưởng ngũ hành tương sinh cũng được phát triển. “*Quản Tử, Tứ Thi* (管子·四时)” nói rằng: “Phía Đông là tinh, thì xuân, khí phong. Phong sinh mộc và cốt... Phía Nam là nhật, thì hạ, khí dương. Dương sinh hỏa và khí... Trung ương là thổ, thổ đức thực phù, tứ thì nhập sơ... Phía Tây là thần, thì thu, khí âm. Âm sinh kim và giáp... Phía Bắc là nguyệt, thì đông, khí hàn. Hàn sinh thủy và huyết”⁽¹⁾. Rõ ràng, trong sách “*Quản Tử*”, “ngũ hành” đã theo sắp xếp thứ tự tương sinh Mộc, Hỏa, Thổ, Kim, Thủy, và phối với phương vị Đông, Nam, Trung, Tây, Bắc. “*Lễ Ký. Nguyệt Lệnh* (礼记·月令)” dựa trên cơ sở này, chia các vật thành “ngũ sắc”, “ngũ âm”, “ngũ chùng” “ngũ tạng”, phối với “ngũ hành” “tứ thì” “ngũ phương”, từ đây xây dựng một hệ thống triết học hoàn chỉnh và liên kết với nhau về vũ trụ. Những nhà âm dương ngũ hành dùng “âm dương”, “ngũ hành”, “tứ thì” để giải thích hiện tượng tự nhiên, cho rằng, tất cả các hoạt động của con người đều phải tuân theo những quy tắc này.

Người đầu tiên dùng tư tưởng “ngũ hành” giải thích lịch sử, xã hội và chính trị là Trâu Diễn. Thuyết “năm đức chung thủy” chính là lý luận ông dùng tư tưởng ngũ hành tương khắc để giải thích sự thay đổi triều đại. “Tất cả các đế vương hưng, trời đều có điềm báo trước. Thời Hoàng Đế, trời hiện con đế dũi, hoàng đế bảo: “thổ khí thắng”, nên hợp màu vàng, làm việc thiên hướng thổ. Đến thời Vũ, cây cỏ đến thu đông mà không rụng, Vũ bảo: “mộc khí thắng”. Mộc khí thắng, chuộng màu xanh, làm việc thiên hướng mộc. Đến Shang, nhìn thấy trong nước hiện kiến kim, Shang bảo: “kim khí thắng”. Kim khí thắng, nên chuộng màu trắng, làm việc thiên hướng kim. Đến Văn Vương, nhìn thấy chim đỏ chót ngậm sách đến, Văn Vương bảo: “hỏa khí thắng”. Hỏa khí thắng, nên chuộng màu đỏ, làm việc thiên hướng hỏa”.

Đến thời Tần Hán, tư tưởng ngũ đức chung thủy và quan niệm ngũ sắc để được lưu hành mở rộng. Tần Thủy Hoàng là người coi trọng thuyết ngũ đức chung thủy, “*Sử ký,*

Bản kỷ Tần Thủy Hoàng (史记·始皇本纪) ghi: “Thủy Hoàng coi trọng thuyết ngũ đức, cho rằng Chu là Hòa đức, Tần thay Chu đức, giành được toàn thắng. Hiện Thủy đức bắt đầu, đổi niên hiệu, triều mừng bắt đầu từ tháng 10. Quần áo, cờ đều màu đen”. Đến thời Hán, tất cả các thánh vương trước đây đều được cho vào hệ thống ngũ sắc đế và ngũ đức chung thủy, dần hình thành một hệ thống hoàn chỉnh về các vua thay nhau. Cụ thể thể hiện ở bảng dưới:

Bảng 4: Mô típ sinh đẻ thần kỳ của ngũ sắc đế

Ngũ sắc đế	Ngũ Đức	Thánh vua	Vật cảm ứng
Thương Đế Linh Uy Ngưỡng	Mộc	Phục Hy Hậu Tắc	Vết chân to Vết chân to
Xích Đế Xích Tiêu Nộ	Hỏa	Thần Nông Nghêưu Cao Tổ	Rồng Rồng đỏ Rồng đỏ
Hoàng Đế Hàn Xu Nữ	Thổ	Hoàng Đế Thuần	Vùng sáng lớn quanh sao Bắc Đẩu Sao Xu
Bắc Đế Bắc Chiêu Cù	Kim	Thiếu Hạo Vũ Chuyên Húc	Đại tinh như hồng Sao Vượt Sao Dao Quang
Hắc Đế Diệp Quang Ký	Thủy	Khiết Thang Khổng Tử Đại Nghiệp	Huyền Điều Đế Đen Đế Đen Trúng Huyền Điều

Từ bảng trên, chúng ta có thể thấy, nếu thánh vua cùng thuộc về một đức, thì vật cảm ứng gần giống nhau. Phục Hy, Hậu Tắc cùng thuộc Mộc đức, vật cảm ứng đều là vết chân to. Thần Nông, Nghiêu, Cao Tổ cùng thuộc Hỏa đức, vật cảm ứng đều là rồng. Khiết, Thang, Khổng Tử, Đại Nghiệp cùng thuộc Thủy đức, vật cảm ứng đều liên quan đến màu đen. Bảng này cho thấy, những mô típ sinh đẻ thần kỳ của thánh vua có quy luật và chịu sự ảnh hưởng của ngũ đức chung thủy. Như vậy, tư tưởng “âm dương”, quan niệm “ngũ hành tương sinh tương khắc” đã được thể hiện trong mô típ sinh đẻ thần kỳ của Trung Quốc. Trung Quốc là một trong những nước có nền văn minh cổ đại trên thế giới, nhiều tư tưởng triết lý, nhiều quan niệm đã được sinh ra và được nhiều giáo phái bản địa như Nho giáo, Đạo giáo... tiếp thu và phát triển. Những quan niệm, tư tưởng này đã ảnh hưởng lớn đến mọi mặt xã hội, văn hóa và văn học của Trung Quốc. Trong đó, ảnh hưởng đến cả quan niệm về sinh đẻ của người Trung Quốc. Người Trung Quốc cho rằng, việc sinh đẻ là

do “âm dương” hai khí tác hợp mà sinh, vạn vật đều sinh ra từ “âm dương”, xã hội thay đổi, triều đại thay đổi cũng được giải thích bằng quan niệm “ngũ hành tương sinh tương khắc”.

3. Mặt trời tượng trưng cho vương quyền

Theo thống kê ở bảng 2, mặt trời xuất hiện 12 lần trong mô típ sinh đẻ thần kỳ của Trung Quốc. Thái tổ Đạo Vũ Hoàng đế do Hoàng hậu Tiên Minh Hạ mơ thấy mặt trời mọc trong phòng mang thai sinh ra, lúc sinh lại có ánh sáng chiếu vào. Thế Tông Tuyên Vũ Hoàng Đế do Cao Phu Nhân mơ thấy bị mặt trời đuổi, trốn dưới giường, mặt trời hóa thành con rồng, vòng quanh mình mấy vòng, từ đáy có mang. Hậu Chủ là do Hồ hoàng hậu mơ thấy mặt trời rơi vào váy, từ đáy có mang. Chiêu Hiến hoàng hậu mơ thấy thần nhân cho mặt trời, sau đó mang thai sinh ra Tống Thái Tông. Tống Chân Tông do hoàng hậu Nguyên Đức Lý Thị nằm mơ dùng váy mình đón lấy mặt trời nên có mang và sinh ra ngài. Lúc mang thai Lưu Thông, Trương Thị mơ thấy mặt trời sa vào lòng... Mặt trời xuất hiện nhiều lần trong mô típ sinh đẻ thần kỳ của Trung Quốc liên quan đến ý nghĩa biểu tượng về vương quyền của mặt trời.

Đối với cư dân nông nghiệp, mặt trời tượng trưng cho sinh khí của vũ trụ tạo nên sự sống cho muôn loài, do đó người xưa có tục thờ mặt trời. Ở Việt Nam, tục thờ mặt trời được ghi lại trên trống đồng Đông Sơn. Trên mặt trống đồng, giữa trung tâm là hình mặt trời với 14 tia và cuộc sống trên trái đất xoay quanh mặt trời theo chiều ngược kim đồng hồ. Đề cầu mong sự sống và sự sinh sôi nảy nở cho cây cối, súc vật, nhiều dân tộc đều có các lễ hội liên quan đến mặt trời và lửa như: thả cầu lửa trên không trung, giăng đèn lồng kết hoa, rước đèn, hội hoa đăng thả đèn trên mặt nước, đốt pháo thăng thiên, trò chơi đánh phết bằng một quả cầu màu đỏ, thả điều gọi nắng,... Người Tây Nguyên khi làm công nhà mồ đã tạc hai hình nam nữ với sinh thực khí lớn đứng hai bên cổng hướng về phía Đông để đón ánh mặt trời lên, với mong ước ánh mặt trời xuyên qua hình nhân sẽ làm cho sự sống được tái tạo. Đây là lớp nghĩa đầu tiên của mặt trời. Có lẽ vì thế mà trên thế giới đã có rất nhiều thần thoại viết về mặt trời. PGS.TS. Trần Lê Bảo trong bài “So sánh thần thoại mặt trời của Việt Nam, Trung Quốc và Nhật Bản” đã nói: “Từ xa xưa các cộng đồng dân tộc trên thế giới đã biết dùng tưởng tượng, mượn tưởng tượng sáng tạo cho mình những kho tàng thần thoại bay bổng và phong phú. Thần thoại mặt trời rất phổ biến và khá độc đáo trong kho tàng thần thoại của nhiều nước trên thế giới trong đó có ba nước Việt Nam, Trung Quốc và Nhật Bản”⁽²⁾.

Ở Trung Quốc, trước thời phong kiến, mặt trời cũng được thờ cúng và được sùng bái vì mặt trời mang lại sự sống cho vạn vật, nhưng đến thời phong kiến, ý nghĩa của mặt trời đã có sự thay đổi, mặt trời trở thành tượng trưng cho quyền lực, tượng trưng cho vua.

Nhiều bà mẹ của vua hay nằm mơ thấy mặt trời, từ đây thụ thai sinh ra hoàng tử, hoàng tử về sau trở thành hoàng đế hoặc là bá chủ của một phương, như trường hợp Ngô phu nhân, mẹ của Ngô Quyền. Suru Thần Ký chép rằng: lúc phu nhân có mang mơ thấy ôm mặt trăng vào lòng, đẻ Sách. Đến lúc mang thai Quyền, lại mơ thấy ôm mặt trời vào lòng. Nói chuyện với Kiên bảo rằng: “Trước đây có mang Sách, mơ thấy ôm mặt trăng vào lòng, giờ lại mơ thấy ôm mặt trời vào lòng, vì sao?”. Kiên bảo rằng: “Mặt trời và mặt trăng là tinh tú của âm dương, tượng vô cùng quý, con cháu ta sẽ hưng!”.

Chúng ta có thể thấy mặt trời ở đây, đã không mang ý nghĩa đơn thuần của mặt trời, mà tượng trưng cho thiên tử, cho vương quyền. Sự quan trọng của mặt trời khiến người ta nghĩ đến những người làm vua, làm thiên tử, nên người ta đã gắn mặt trời vào vua, mặt trời đã trở thành tượng trưng của vua. Thái Bình Ngự Lãm (太平御覽) dẫn “Thuyết Văn (说文)” rằng mặt trời, bảo vật, lại tượng trưng cho vua. Như vậy, nếu người mẹ nằm mơ thấy mặt trời thụ thai sinh con thì dự kiến đứa con sinh ra sau này sẽ làm vua, tức là thiên tử. Không chỉ có mặt trời mà những thứ liên quan đến mặt trời, như dị quang, thần quang, hào quang... cũng được gắn vào người vua. Các vị vua lúc sinh ra thường có thần quang xuất hiện. Như vậy, trong mô típ sinh đẻ thần kỳ của Trung Quốc, mặt trời đã xuất hiện nhiều lần và tượng trưng cho vương quyền.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- (1) 黎翔凤(撰), 梁运华(整理), 2004, 《管子校注》, 中华书局, 北京。[Lê Tường Phượng (biên soạn), Lương Vận Hoa (chỉnh sửa), 2004, *Quản Tử hiệu chú*, Trung Hoa Thư Cục, Bắc Kinh, tr. 842.
- (2) Trần Lê Bảo, 2011, *Giải mã văn học từ mã văn hóa*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr.104.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Huê chủ biên, 2012, *Từ điển Type truyện dân gian Việt Nam*, NXB Lao Động.
2. Vũ Ngọc Khánh (Tuyển chọn), 1998, *Truyện thuyết Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
3. (东汉) 班固, 1962, 《汉书》, 中华书局, 北京, (Đông Hán) Ban Cố, 1962, *Hán Thư*, Trung Hoa Thư Cục, Bắc Kinh.
4. 陈梦雷, 2000, 《古今图书集成》, 中华书局, 北京。(Trần Mộng Lôi, 2000, *Cổ Kim Đồ Thư Tập Thành*, Trung Hoa Thư Cục, Bắc Kinh).
5. (西晋) 陈寿, 1959, 《三国志》, 中华书局, 北京, (Tây Tấn) Trần Thọ, 1959, *Tam Quốc Chí*, Trung Hoa Thư Cục, Bắc Kinh.
6. 137. 李昉, 1960, 《太平御覽》, 中华书局, 北京, Lý Phưởng, 1960, *Thái Bình Ngự Lãm*, Trung Hoa Thư Cục, Bắc Kinh.